TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số**: 19** /2019/HNGĐ - ST
Ngày 28/6/2019
V/v: Chia tài sản chung sau ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : **Ông Phan Quang Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Vi Văn Tiệp**

2. **Ông Bạch Xuân Hiền**

- *Thư ký phiên toà*: **Bà Phạm Thị An** - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*: **Bà Đào Giang Lệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1972 (có mặt)

Đăng ký HKTT: xóm Bình Yên - xã Nghĩa Bình - huyện Nghĩa Đàn - Nghệ An

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974 (có mặt)

Đăng ký HKTT: xóm Bình Yên – xã Nghĩa Bình - huyện Nghĩa Đàn - Nghệ An

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1931(vắng mặt)

Trú tại: Xóm Bình Yên, xã Nghĩa Bình, Nghĩa Đàn, Nghệ An

2. Anh Nguyễn Văn Ch – sinh năm 1966 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm Bình Yên, xã Nghĩa Bình, Nghĩa Đàn, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V trước đây từng là vợ chồng, sau đó do mâu thuẫn sống không hạnh phúc, chị phát hiện anh V có người phụ nữ khác và đã có con riêng nên chị X đề nghị anh V làm đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân

huyện Nghĩa Đàn giải quyết cho thuận tình ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 76/QĐCNLH ngày 30 tháng 8 năm 2016. Tại thời điểm đó, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và chị đang có vấn đề về sức khỏe không tốt nên chị chỉ muốn giải quyết ly hôn càng nhanh càng tốt nên chưa yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng. Sau khi ly hôn xong, chị Xuân nghĩ cần phải giành quyền lợi về tài sản cho mình nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản của vợ chồng chị tạo lập được trước đây là diện tích đất 17.346,9m^2 tại thửa đất số 178, tờ bản đồ 39 thuộc xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, Nghĩa Đàn, Nghệ An. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất. Theo chị X nguồn gốc đất của chị và anh V là do anh chị phát rừng khai hoang từ tháng 12 năm 2001 và trồng mía đến năm 2003 thì trồng toàn bộ cây cao su. Sau khi ly hôn thì anh V đã bán toàn bộ cây cao su cho một người dân với giá 50 triệu đồng vào tháng 4 năm 2019. Nay chị yêu cầu anh Vinh phải chia đôi cho chị diện tích đất nói trên và số tiền anh Vinh đã bán cây cao su. Những người làm chứng cho chị gồm ông Lê Văn T, Lê Văn Q, Nguyễn Thị Mih, Lê Văn Th, Lê Thị V, Lê Hồng T, Nguyễn Thị N là những người có đất làm xung quanh với đất của chị X.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Vi trình bày: Trước đây anh và chị Nguyễn Thị X từng là vợ chồng sau đó được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn giải quyết cho ly hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2016, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản sau ly hôn là diện tích đất 17.346,9m^2 chia mỗi người một nửa. Về vấn đề này anh V không đồng ý lý do đất này của bố mẹ anh Vi cho anh V mượn làm ăn nuôi con, nay vợ chồng đã ly hôn, bà Nguyễn Thị Th lấy lại thửa đất số 178 tờ bản đồ số 39 thì anh trả lại cho bà Nguyễn Thị Th. Về nguồn gốc hình thành thửa đất theo anh V là vào ngày 06/11/1991 bố mẹ anh Vi mua của ông Lê Văn Thọ trú tại xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, có sự chứng kiến của ông Lê Văn Quý xóm trưởng xóm Lác và anh trai của anh V là Nguyễn Văn Chn đại diện gia đình đứng ra giao dịch, có ông Lê Văn Cảnh hồi đó làm phó Chủ tịch xã Nghĩa Lạc chứng thực và đóng dấu. Quá trình giải quyết vụ án anh V cũng đã giao nộp chứng cứ là giấy mua bán đất giữa ông Lê Văn Thọ và anh Nguyễn Văn Chiến, có xác nhận của UBND xã Nghĩa Lạc và người làm chứng là ông Lê Văn Quý. Tại phiên tòa anh V cho rằng chị X chỉ có công trồng cây cao su chứ không có công chăm sóc vì vậy sau khi ly hôn do nợ nần nên anh V đã gọi người vào bán số cây cao su trên với giá 49,5 triệu đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn Ch là người có quyền lợi liên quan đến vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để làm rõ quyền lợi của mình. Đối với bà Nguyễn Thị Thành Tòa án cũng đã triệu tập để lấy lời khai và đối chất với người bán đất là ông Lê Văn Thọ thì bà Thành cho biết gia đình bà mua mảnh đất này năm 1999 với giá 200.000đ. Khi mua mảnh đất này thì anh V

chưa cưới chị X nên bà khẳng định mảnh đất này của gia đình bà. Nay đề nghị Tòa án giao mảnh đất này cho bà chứ không chia tài sản chung cho vợ chồng anh V và chị X.

Ông Lê Văn Thọ có đơn và lời khai trình bày: Anh Nguyễn Văn V đưa ra tờ giấy chuyển nhượng đất ngày 06/11/1991 mà chủ đất ký là Lê Văn Thọ theo ông Thọ là không có chuyện đó vì ông Thọ chưa bao giờ làm giấy bán đất cho ai và ông cũng không có đất, chữ ký bán đất phía bên dưới cũng không phải của ông Thọ, vì vậy ông Thọ khẳng định giấy tờ bán đất giữa ông Thọ và ông Nguyễn Văn Phải là giả mạo. Ông Thọ cho biết ông và ông Nguyễn Văn Phải bố anh Nguyễn Văn Vinh là thông gia với nhau vì vậy ông Thọ khẳng định lại lần nữa là không có chuyện ông bán đất cho gia đình ông Phải. Chữ ký của ông bị giả mạo, ông đề nghị làm rõ sự giả mạo này.

Đối với ông Lê Văn Quý xóm trưởng xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, Nghĩa Đàn có lời khai: ông làm xóm trưởng xóm Lác từ tháng 12 năm 1982 đến năm 1999, sau đó chuyển lên làm ủy viên ủy ban xã Nghĩa Lạc, việc anh Nguyễn Văn Vinh đưa ra tờ giấy mua bán đất giữa ông Lê Văn Thọ và anh Nguyễn Văn Chiến có chữ ký xác nhận của xóm trưởng xóm Lác là Lê Văn Quý thì ông Quý khẳng định, ông không được ký vào giấy tờ mua bán đất và chữ ký trong giấy tờ mua bán đất đó không phải là chữ ký của ông Lê Văn Quý, theo ông Quý có người giả mạo chữ ký của ông và ông đề nghị làm rõ vấn đề giả mạo chữ ký này. Một lần nữa ông Quý khẳng định không có chuyện ông làm chứng và ký cho việc mua bán đất giữa ông Lê Văn Thọ và gia đình ông Nguyễn Văn Phải. Đối với những người có đất canh tác xung quanh miếng đất thửa số 178, tờ bản đồ số 39 tại xóm Lác, xã Nghĩa Lạc gồm chị Nguyễn Thị Minh, chị Lê Thị Vang, anh Lê Văn Thảo, Anh Lê Hồng Tuân, Võ Thị Nam, chị Lê Thị Bắc, ông Nguyễn Văn Lan trình bày: Họ chỉ thấy anh V và chị X khai hoang mảnh đất này từ năm 2001 và trồng mía đến năm 2003 vợ chồng anh Vinh chị Xuân trồng cây cao su. Vì vậy những người này khẳng định diện tích đất này là của anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị X chứ không của ai khác.

Có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và của Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Qúa trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật, đúng thời gian và trình tự thu thập chứng cứ của đương sự. Đối với các đương sự chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị X về việc yêu cầu chia diện tích đất trên là tài sản của vợ chồng sau ly hôn. Quan điểm giải quyết vụ án: Giao cho chị X được quyền sử dụng diện tích đất 9.512,6m^2 trên đất

đang trồng cây sắn cao sản, giao cho anh V được quyền sở hữu số sắn đó và sẽ thu hoạch vào cuối mùa năm 2019. Giao cho anh V được quyền sử dụng 7.834,3m^2 đất, trên đất đang trồng cây keo khoảng 02 năm tuổi (keo này do anh V trồng lên). Chị X có nghĩa vụ trích giao tiền chênh lệch cho anh V do được sử dụng diện tích đất nhiều hơn, anh Vinh có nghĩa vụ trích tiền bán cây cao su cho chị Xuân. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thành về việc giao trả diện tích đất trên cho bà Thành.

Về án phí, buộc các đương sự phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn có thẩm quyền giải quyết vụ kiện chia tài sản chung sau ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn V.

[2] Về chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn V có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 4 năm 1998 tại UBND xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn. Trong thời gian chung sống với nhau chị X và anh V đã tạo lập được tài sản là diện tích đất 17.346,9m^2 tại thửa số 178, tờ bản đồ số 39 thuộc xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, Nghĩa Đàn, ngày 30 tháng 8 năm 2016 anh Vinh và chị Xuân được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn giải quyết thuận tình ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung. Việc chị Nguyễn Thị X yêu cầu chia đôi mảnh đất diện tích 17.346,9m^2 tại thửa số 178, tờ bản đồ số 39 tại xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn là tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn là có cơ sở vì căn cứ vào giấy chuyển nhượng mua bán đất mà anh V giao nộp, những người làm chứng, căn cứ vào biên bản đối chất giữa người bán đất là ông Lê Văn Thọ và người làm chứng Lê Văn Quý và anh Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thành thì có thể khẳng định không có việc mua bán đất giữa ông Lê Văn Thọ và gia đình bà Nguyễn Thị Thành, việc anh Nguyễn Văn Vinh đưa ra chứng cứ là tờ giấy chuyển nhượng đất vào ngày 06/11/1991 là không có căn cứ. Tại phiên tòa và trong quá trình khai báo, bị đơn anh Vinh khi thì cho rằng đất này do bố mẹ anh nhận chuyển nhượng từ người khác (ông Lê Văn Thọ), khi lại cho rằng bố mẹ anh khai hoang mà có. Những người có đất canh tác xung quanh mảnh đất số 178, tờ bản đồ số 39 tại xóm Lác, xã Nghĩa Lạc thì chứng rằng diện tích đất này do anh Nguyễn Văn Vinh và chị Nguyễn Thị X khai hoang mà có sau đó hai người trồng cây cao su. Một căn cứ quan trọng nữa là giấy tờ mua bán đất phía trên được ghi ngày 06/11/1991 nhưng bà Thành và anh V đều khẳng định giấy được lập ngày 06/11/1999, thể hiện sự không thống nhất về thời gian có của nguồn gốc thửa

đất mà anh V đưa ra. Tại bản khai của anh Lê Trí Hùng, cán bộ địa chính xã Nghĩa Lạc, Nghĩa Đàn trình bày: về thửa đất số 178, tờ bản đồ số 39 tại xóm Lác, xã Nghĩa Lạc diện tích đất 17.346,9m^2 không thể hiện trên bản đồ được đo đạc năm 1998 mà chỉ có tên thửa đất và tờ bản đồ theo bản đồ đo đạc mới năm 2011, giấy chuyển nhượng đất giữa ông Lê Văn Thọ (chủ đất) và con trai Lê Văn Thảo và ông Nguyễn Văn Chiến con ông Nguyễn Văn Phải ở trên ghi ngày 06/11/1991, ký xác nhận trưởng thôn là ông Lê Văn Quý song xác nhận của UBND xã Nghĩa Lạc là ngày 06/11/1999 là không hợp lý. Còn việc mua bán, chuyển nhượng đất giữa các bên bản thân anh Hùng không được biết vì anh Hùng nhận công tác từ năm 2011 và đến năm 2018 mới luân chuyển sang địa chính tại UBND xã Nghĩa Lạc. Như vậy có thể khẳng định diện tích đất này là của anh Nguyễn Văn Vinh và chị Nguyễn Thị Xuân trước đây đã tạo dựng nên, việc bà Nguyễn Thị Thành đòi lại đất và anh Nguyễn Văn Vinh cho rằng đất này bà Thành cho anh Vi và chị X mượn để canh tác nay trả lại cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Thành là không có căn cứ chấp nhận.

Tại biên bản định giá và biên bản thẩm định ngày 04 tháng 6 năm 2019 xác định: Đây là diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Từ đường giao thông nội đồng nhìn vào phía trái là lô đất trồng cây keo có khoảng 2080 cây keo đường kính mỗi cây keo từ 05 đến 10 phân, diện tích lô đất là 7.834,3m^2, số cây keo này cả anh Vinh và chị Xuân xác nhận do anh Vinh trồng, chị Xuân không yêu cầu chia giá trị cây keo. Phía bên phải là lô đất trống, trồng cây sắn khoảng 03 tuần tuổi, mỗi m^2 trồng khoảng 06 cây sắn. Diện tích lô đất là 9.512,6m^2. Tổng số cây sắn là 57.075 cây, số cây sắn này chị Xuân xác nhận do anh Vinh trồng nên nếu chị được chia phần đất này thì chị sẽ để anh Vinh thu hoạch sắn xong vụ năm 2019 chị mới lấy đất chứ chị không muốn sở hữu số sắn này. Tại phiên tòa anh Vinh cũng thừa nhận rằng tại phần đất trống hiện nay anh đang trồng sắn thì trước đây khi còn đang vợ chồng anh Vinh và chị Xuân có trồng toàn bộ cao su, tuy nhiên sau này khi ly hôn xong anh đã gọi người vào bán cây cao su với giá 49,5 triệu đồng. Anh Vinh cũng đồng ý với việc anh trồng sắn thì anh có quyền được thu hoạch số sắn trên. Đặc điểm của lô đất trống trồng cây sắn có đặc điểm như sau: phía Bắc giáp đường giao thông nội đồng có các cạnh dài 12,53m, 15,10m,14,62m, 7,94m; phía Tây giáp đất chị Nguyễn Thị Lý có các cạnh dài 13,15m, 24,99m, 10,11m, 31,46m, 24,57m, 9,63m, 17, 27m; Phía Nam giáp đất chị Lê Thị Bắc có các cạnh dài 10,97m, 27,77m, 59,05m, 8,41m; Phía Đông giáp đất lô keo của anh Vinh dài 105,51m. Tại phần đất này anh Vinh đã rào bằng hệ thống cọc rào bê tông có kéo dây thép gai, số lượng cọc 33 cọc có chiều cao 1,5m mỗi cọc, giá mỗi cọc theo biên bản định giá là 200.000đ/cọc = 6.600.000đ; dây thép gai bao quanh mảnh đất đã gỉ có tổng chiều dài 235m x 7000đ/m = 297.500đ. Giá trị của lô đất trống là 9.512,6m^2 x21.000đ/m^2 = 199.764.600đ, tổng cộng giá trị tiền đất và giá trị cọc bê tông, dây thép gai là 206.662.100đ.

Đối với lô đất anh Nguyễn Văn Vi đã trồng keo trên đất có diện tích 7.834,3m^2, đất có đặc điểm: phía Bắc giáp đường giao thông nội đồng có các cạnh dài 46,13m, 16,51m; phía Đông giáp đất chị Lê Thị Vang có các cạnh dài 10,03m, 26,68m, 50,54m, 3,50m,36,15m; phía Nam giáp đất anh Lê Văn Thảo có các cạnh dài 5,47m, 9,68m, 14,17m, 8,27m, 24,85m, 10,53m; phía Tây giáp với vạt đất trống trồng sắn có cạnh dài 105,51m. Giá trị đất của lô đất trồng keo là 7.834,3m^2 x 21.000đ/m^2 = 164.520.300đ. Xét thấy ai cũng có nhu cầu về sử dụng đất nên chị Nguyễn Thị Xuân yêu cầu được chia ½ diện tích đất trên là có căn cứ cần được chấp nhận. Do anh Nguyễn Văn Vinh đã trồng keo trên đất của lô đất này nên cần chia cho anh Vinh được sử dụng diện tích đất đó. Đối với diện tích đất trống 9.512,6m^2 đất đang trồng sắn cần giao cho chị Xuân được quyền sử dụng, tuy nhiên chị Xuân không nhận số sắn này mà giao cho anh Vinh được quyền quản lý và thu hoạch số sắn này khi đến mùa thu hoạch sắn năm 2019 (cuối năm 2019). Chị Xuân phải trích chênh lệch tiền đất do được hưởng diện tích đất nhiều hơn và được sử dụng số cọc bê tông và dây thép gai anh Vinh đã đầu tư trên đó, tuy nhiên anh Vinh cũng phải trích một nửa số tiền mà anh đã bán cây cao su mà trước đây hai vợ chồng đã trồng được là 49,500,000 đồng. Như vậy tổng số tài sản mà chị Nguyễn Thị Xuân được sử dụng là 206.662.100đ, tổng số tài sản mà anh Nguyễn Văn Vinh đang sử dụng là 214.020.300đ (trong đó tiền đất trị giá 164.520.300đ và tiền bán cây cao su 49.500.000đ). Chị Nguyễn Thị Xuân phải trích tiền chênh lệch cho anh Vinh do được hưởng diện tích đất nhiều hơn và trị giá cọc bê tông, dây thép gai số tiền 24.519.650đ (trong đó tiền đất 17.622.150đ, trị giá cọc bê tông 6.600.000đ, dây thép gai 297.500đ), anh Nguyễn Văn Vinh phải trích tiền bán cây cao su của hai vợ chồng trước đây cho chị Nguyễn Thị Xuân là 24.750.000đ, anh Vinh còn phải chịu tiền chi phí định giá tài sản là 1.000.000đ do chị Xuân đã nộp trước đó số tiền 2.000.000đ. Như vậy anh Vinh phải trích đưa lại cho chị Xuân số tiền 1.230.350đ (một triệu hai trăm ba mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng).

[3] Về án phí: áp dụng điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc các đương sự phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch theo quy định. Việc bà Nguyễn Thị Thành yêu cầu trả lại diện tích đất trên cho bà không được Tòa án chấp nhận vì vậy bà Thành phải chịu án phí DSST. Tuy nhiện bà Thành là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 35, Điều 147, điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án xử:

1.Về tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn Vinh phải giao cho chị Nguyễn Thị Xuân diện tích đất 9512,6m^2 (235) trên đất đang trồng một số cây sắn thuộc sở hữu của anh Vinh thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 39 tại xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn, trị giá đất là 199.764.600đ và 33 cọc bê tông trị giá 6.600.000đ, 235m dây thép gai trị giá 297.500đ, tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất chị Xuân được hưởng là 206.662.100đ (hai trăm linh sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn một trăm đồng). Phần đất có tứ cận cụ thể như sau: phía Bắc giáp đường giao thông nội đồng có các cạnh dài 12,53m, 15,10m,14,62m, 7,94m; phía Tây giáp đất chị Nguyễn Thị Lý có các cạnh dài 13,15m, 24,99m, 10,11m, 31,46m, 24,57m, 9,63m, 17, 27m; Phía Nam giáp đất chị Lê Thị Bắc có các cạnh dài 10,97m, 27,77m, 59,05m, 8,41m; Phía Đông giáp đất lô keo của anh Vinh dài 105,51m. (có sơ đồ phần đất kèm theo). Giao cho anh Vinh thu hoạch sắn vào cuối mùa vụ năm 2019 (tháng 12/2019), sau khi thu hoạch sắn xong giao đất lại cho chị Nguyễn Thị Xuân.

Tạm giao cho anh Nguyễn Văn Vinh được quyền sử dụng diện tích đất 7834,3m^2 (234) phần đất trồng cây keo thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 39 tại xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, Nghĩa Đàn với trị giá đất là 164.520.300đ, phần đất có tứ cận cụ thể như sau: phía Bắc giáp đường giao thông nội đồng có các cạnh dài 46,13m, 16,51m; phía Đông giáp đất chị Lê Thị Vang có các cạnh dài 10,03m, 26,68m, 50,54m, 3,50m,36,15m; phía Nam giáp đất anh Lê Văn Thảo có các cạnh dài 5,47m, 9,68m, 14,17m, 8,27m, 24,85m, 10,53m; phía Tây giáp với miếng đất giao cho chị Xuân có cạnh dài 105,51m (có sơ đồ phần đất kèm theo), trên đất đang trồng cây keo khoảng 02 năm tuổi, 49.500.000đ tiền bán cây cao su, tổng cộng anh Nguyễn Văn Vinh được hưởng giá trị tài sản 214.020.350đ (hai trăm mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng) nhưng anh Vinh phải trích lại cho chị Xuân 1.230.350 đ (một triệu hai trăm ba mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng) bao gồm 01 triệu đồng tiền chi phí định giá mà chị Xuân đã nộp trước đó và 230.350 đ anh Vinh hưởng giá trị nhiều hơn chị Xuân.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thành về việc trả lại diện tích đất 17.346,9m^2 tại thửa số 178, tờ bản đồ số 39 thuộc xóm Lác, xã Nghĩa Lạc, Nghĩa Đàn, Nghệ An.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân phải chịu 10. 413.638đ (mười triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) án phí chia tài sản sau ly hôn sơ thẩm, chị Xuân đã nộp số tiền 3.750.000đ tại biên lai thu tiền số 0001287 ngày

13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn, chị Xuân còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 6.663.638đ. Anh Nguyễn Văn Vinh phải chịu án phí chia tài sản là 10. 413.638 đ (mười triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng), anh Vinh chưa nộp. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại điều 357 BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Bình, Nghĩa Lạc;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quang Sơn